TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày 10/7/2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Hội thẩm nhân dân Ông Nguyễn Quang Minh
Ông Lâm Hải Trung

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên ,Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa:

1.Nguyên đơn: bà Phạm Thị Bé S, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: ông Phạm Văn V, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970 (có mặt)
- Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Phạm Thị Hồng Nh, sinh năm 1995 (đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Nơi ở hiện nay: Thành phố Koriyama, tỉnh Fukushima, Nhật Bản (hợp tác lao động).

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: Phạm Thái B, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Bé S trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà xa xưa để lại cho cha mẹ bà S là cụ Phạm Văn H (chết năm 1969) và cụ Huỳnh Thị Kh (chết năm 1985) diện tích khoảng 15.000m^2, cụ H đã có kê khai. Khoảng năm 1986, 1987 cụ H có cho Phạm Văn L là cha ông V hưởng trái quýt trên phần đất khoảng 150m^2 (khoảng hai liếp đất) nhưng không cho đất. Sau một thời gian ngắn không nhớ năm thì ông V có đến cất căn chòi trên đất ở để chăn nuôi trâu, khi ông V ở thì đào đất và lấn ra xung quanh, bà S có ngăn cản nhưng ông V vẫn làm. Năm 2005 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà S không biết. Khoảng năm 2019 – 2020 ông V cất nhà xây cấp 4, do dịch bệnh không đi lại được nên bà S không hay biết để ngăn cản việc ông V xây dựng nhà.

Nay bà S khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V thửa 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Buộc ông Phạm Văn V trả lại thửa đất nêu trên cho bà S, bà S đồng ý hỗ trợ chi phí di dời 100.000.000đ, không đồng ý hoàn trả giá trị nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông V.

Bà S thống nhất phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 13/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long có diện tích 945,7m^2, loại đất ONT và CLN và thống nhất giá trị đất tranh chấp là 114.844.700đ, giá trị cây trồng 64.625.000đ theo kết luận định giá của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với giá trị nhà và vật kiến trúc khác trên đất có giá trị 439.246.000đ bà S không đồng ý, vì giá cao hơn nhiều so với thực tế, nhưng bà S không yêu cầu Tòa án định giá lại.

- Bị đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Trước năm 1975 cha ông V tên Phạm Văn L có ở làm công cho cụ Phạm Văn H và ở trong nhà, cụ H nhận ông L làm con nuôi. Cụ H cho ông L một phần đất để ở. Khi ông V còn nhỏ, ông L có cất một căn chòi trên đất được cụ H cho để ở chăn nuôi trâu cho cụ H. Sau khi ông L chết để lại phần đất trên cho ông V quản lý, sử dụng từ năm 1990, ông V và vợ là bà Nguyễn Thị Th tiếp tục ở trên đất. Năm 1996 ông V sửa lại nhà cột đúc, nền lót gạch men, vách lá, lợp lá, quá trình ông V, bà Th sử dụng đất bà S và anh em bà S ở gần đó không có ngăn cản, tranh chấp đối với ông V. Năm 2005 ông V kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/11/2005 đứng tên hộ ông V thửa số 1990, diện tích 930m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 25/6/2012 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dung đất thửa số 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2 do ông Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 02/11/2022 hộ ông V và bà Th được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Vào năm 2021 ông V có xây dựng nhà cấp 4 vách tường, nền lát gạch men, tường ốp gạch men, mái lợp tol và có trồng dừa trên đất theo biên bản định giá tài sản ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bé S, vì gia đình ông V sử dụng đất ổn định, lâu dài từ năm 1990 đến nay, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông V thống nhất giá trị đất, giá trị cây trồng, giá trị nhà và vật kiến trúc khác có trên đất theo định giá của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tổng cộng là 618.715.700đ.

Thống nhất diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 13/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long có diện tích 945,7m^2 đất ONT và CLN.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất tranh chấp ông V đang quản lý, không cầm cố thế chấp cho bất cứ ai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà Th thống nhất theo lời trình bày của ông Phạm Văn V, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà Th và ông V ở trên đất từ năm 1990 đến nay và đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

-Chị Phạm Thị Hồng Nh và chị Phạm Thị Mỹ Lcó ý kiến giống như ông V .

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Bé S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V, yêu cầu ông V trả lại thửa đất tranh chấp và bà đồng ý hỗ trợ chi phí di dời 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị Th và chị Phạm Thị Thùy L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S, vì gia đình ông V ở trên đất ổn định, lâu dài từ năm 1990 đến nay, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: áp dụng Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 92, Điều 165, Điều 227,228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 16, Điều 186, Điều 188, Điều 203 Luật đất đai 2003, điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 260, tờ bản đồ 18, diện tích 945,7m^2, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, do ông Phạm Văn V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc ông V trả lại thửa đất trên cho bà S, bà S hỗ trợ tiền di dời 100.000.000đ, không đồng ý hoàn trả giá trị nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông V.

Về chi phí tố tụng là chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tài sản: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc và định giá.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn bà Phạm Thị Bé S yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn ông Phạm Văn V thửa 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, trong vụ án có chị Phạm Thị Hồng Nh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang hợp tác lao động tại Nhật Bản, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại thửa đất số 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn. Vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Chị Phạm Thị Hồng Nh và Sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Long có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[1] Thửa đất tranh chấp giữa các bên đương sự trong vụ án là thửa đất số 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2 (đất ở 300m^2, đất trồng cây lâu năm 645,7m^2), tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ông Phạm Văn V được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 21/11/2005, cấp đổi vào ngày 25/6/2012, đến ngày 02/11/2022 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông V và bà Th đứng tên đứng tên quyền sử dụng đất hộ.

[2] Tài sản có trên thửa đất tranh chấp do vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị Th trồng cây lâu năm và xây dựng nhà ở, vật kiến trúc khác theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2024 gồm có:

-Dừa 15 cây 10 năm

-Dừa 06 cây lớn hơn 25 năm (35 năm)

-Dừa 25 cây nhỏ hơn 05 năm

-Cau 13 cây lớn hơn 25 năm

-Một căn nhà cấp 4 (nhà chính) khung bê tông cốt thép, nền gạch men, mái tol, vách tường.

-Mái che tiền chế, cột đúc, chôn chân, mái lợp tol, không vách, nền gạch men.

-Nhà tạm cột đúc, chôn chân, nền gạch men, xi măng, vách lá, mái lá.

Giá trị tài sản trên đất theo kết luận định giá tài sản: giá trị đất 114.844.700đ, giá trị cây trồng 64.625.000đ, nhà ở và vật kiến trúc khác 439.246.000đ, tổng cộng 618.715.700đ. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giá trị tài sản theo định giá, không có yêu cầu định giá lại.

[3]Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé S đòi ông Phạm Văn V trả lại thửa đất số 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2, xét thấy:

Nguồn gốc đất tranh chấp đầu tiên là thửa 651, tờ bản đồ số 03, diện tích 930m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long là của cụ Phạm Văn L (cha ông V) canh tác, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1973 theo biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 03/8/2025 (bút lục 145). Năm 1990, sau khi cụ L chết để lại phần đất trên cho con là ông Phạm Văn V quản lý, sử dụng cho đến nay. Năm 1996 ông V sửa lại nhà cột đúc, nền lót gạch men, vách lá, lợp lá, bà S và gia đình bà S không có ai đứng ra ngăn cản, tranh chấp với vợ chồng ông V. Ngày 03/8/2005 ông V có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kê khai nguồn gốc do cha mẹ để lại sử dụng trước năm 1990, được ủy ban nhân dân xã B xác nhận ông V sử dụng đất từ năm 1990 với nguồn gốc kê khai là đúng sự thật, hiện tại không tranh chấp, không thuộc dạng lấn chiếm chuyển mục đích sử dụng trái phép, không giải tỏa (bút lục 116). Đến ngày 31/11/2005 ông V được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn V vào năm 2005 là cấp theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai năm 2003. *Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định: ....hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.*

Khoản 2 Điều 48 Nghị định 181 nêu trên quy định:

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà toàn bộ thửa đất hoặc một phần thửa đất không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất không có giấy tờ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đất không có tranh chấp;

Theo công văn số 526/UBND-NC ngày 29/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xác định: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 975159 do Ủy ban nhân dân huyện ký ngày 31/11/2005 cho hộ ông Phạm Văn V đứng tên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật *(đính kèm hồ sơ)*.

Mặt khác theo biên bản xem xét, thẩm định tại chổ, biên bản định giá tài sản ngày 10/01/2024 thể hiện trên phần đất tranh chấp có căn nhà của bị đơn và cây trồng dừa, cau do bị đơn trồng trên 05 năm tuổi đến 35 năm tuổi. Từ đó cho thấy ông V là người quản lý sử dụng đất lâu dài, không có tranh chấp.

Bà S thừa nhận bà sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1986 đến nay, không có nhu cầu sử dụng đất, không có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp qua các thời kỳ theo quy định của pháp luật về đất đai. Trên đất tranh chấp không có tài sản gì của bà S mà toàn bộ là của ông V, bà Th. Tại phiên tòa bà S thừa nhận bà có đất gần vị trí thửa đất tranh chấp đã có kê khai, đăng ký năm 2022 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Bà biết ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp vào năm 2005 cùng thời điểm cấp đất của bà, nhưng bà không khiếu nại, ông L và ông S anh em của bà ở gần đó cũng không khiếu nại việc cơ quan có thẩm quyền cấp đất cho ông V và biết rõ ông V đang ở trên đất. Năm 2021 vợ chồng ông V xây dựng lại nhà cấp 4 để ở, bà S cũng không có ngăn cản, tranh chấp về việc vợ chồng ông V xây dựng nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là của bà S, vì vậy bà Sáu khởi kiện yêu cầu ông V, bà Th trả thửa đất 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Bé S về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phạm Văn V:

Như đã phân tích ở trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, nên không có căn cứ để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V, bà Th đối với thửa đất 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 945,7m^2, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[5]Về chi phí tố tụng: căn cứ Điều 157,165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản là 2.600.150đ, do yêu cầu của bà S không được chấp nhận nên bà S phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và bà S đã nộp xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà S không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí, tuy nhiên bà S là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 147, 157, 165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 50, 105, 106 luật đất đai năm 2003, Điều 17, 166, 203 Luật đất đai năm 2013, các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé S về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 260, tờ bản đồ 18, diện tích 945,7m^2, đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp N, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị Th ngày 02/11/2022 và không chấp nhận yêu cầu của bà s về việc buộc ông V, bà Th trả lại thửa đất nêu trên cho bà S, bà S hỗ trợ tiền di dời 100.000.000đ, không đồng ý hoàn trả giá trị nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông V bà Th.

2.Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 2.600.150đ buộc bà S phải chịu và bà S đã nộp xong.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Bé S là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thùy L, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long vắng mặt có quyền kháng cáo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị Hồng Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND cùng cấp;
-Cục THADS cùng cấp;
-Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình